

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

V/v: “T/C hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới;
Ông Phan Công Điện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số A Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Lý Ngọc H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện P, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: 1. Lê Thị H1, sinh năm 1948

2. Trương Thanh S, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2025 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2017, Ngân hàng C, chi nhánh tỉnh H, Phòng giao dịch huyện P có cho ông Trương Hoàng L (có người thừa kế ký tên vay là

bà Lê Thị H1 và thành viên trong hộ ký tên ủy quyền vay là Trương Thanh S) vay số tiền là 30.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất thỏa thuận là 8,25%/năm, lãi quá hạn là 130% so với lãi suất trong hạn; mục đích cho vay: Trồng cam.

Quá trình vay nợ, ông Trương Hoàng L, bà Lê Thị H1 và ông Trương Thanh S đã trả nợ lãi với số tiền là 9.983.570 đồng, nợ gốc chưa trả. Đến ngày 10 tháng 5 năm 2020, ông Trương Hoàng L chết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảng kê chi tiết tạm tính lãi ngày 26 tháng 6 năm 2025, đại diện nguyên đơn là ông Lý Ngọc H xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi phát sinh là 12.381.781 đồng nợ lãi trong hạn và 9.449.753 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng nợ lãi là 21.831.534 đồng. Khấu trừ số tiền lãi các bị đơn trả trước là 9.983.570 đồng, các bị đơn còn nợ lãi là 11.847.964 đồng. Do đó, ông yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 41.847.964 đồng, trong đó: Nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi là 11.847.964 đồng.

- Các bị đơn là bà Lê Thị H1 và ông Trương Thanh S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 19 tháng 7 năm 2017; 01 Giấy ủy quyền lập ngày 25 tháng 3 năm 2017; 01 Sổ vay vốn; 01 Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, chứng minh: Việc ông Trương Hoàng L có vay vốn của nguyên đơn với các thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán phù hợp với lời trình

bày của nguyên đơn, đồng thời ông Trương Hoàng L vay vốn của nguyên đơn có sự ủy quyền của các thành viên trong hộ là các bị đơn Lê Thị H1 và Trương Thanh S. Ngược lại, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có mặt để đưa ra ý kiến phản đối hay thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3.2] Nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn thanh toán là 60 tháng, đến nay khoản vay trên đã quá thời hạn thanh toán, nhưng các bị đơn chỉ trả được 9.983.570 đồng nợ lãi, nợ gốc chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Theo bảng kê tính lãi do nguyên đơn cung cấp, xác định khoản nợ lãi trong hạn tính từ ngày 24 tháng 7 năm 2017 đến ngày 24 tháng 7 năm 2022 là 12.381.781 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 24 tháng 7 năm 2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (30/6/2025) là 9.449.753 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Theo đó, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Trương Hoàng L còn nợ tổng cộng là 41.847.964 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 30.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 12.381.781 đồng, khấu trừ 9.983.570 đồng nợ lãi đã trả trước, còn lại 2.398.211 đồng; nợ lãi quá hạn là 9.449.753 đồng.

[3.4] Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 19 tháng 7 năm 2017 và sổ vay vốn thì người đứng tên vay là ông Trương Hoàng L. Tuy nhiên, trước đó các thành viên trong hộ là các bị đơn Lê Thị H1 và Trương Thanh S lập Giấy ủy quyền vào ngày 25 tháng 3 năm 2017, thỏa thuận cử ông Trương Hoàng L đại diện cho hộ gia đình đứng tên vay và thực hiện giao dịch với bị đơn, cam kết các thành viên trong hộ chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng C, việc ủy quyền thỏa thuận giữa ông Trương Hoàng L và các bị đơn Lê Thị H1 và Trương Thanh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 101 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 103 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ việc tham gia quan hệ dân sự của hộ gia đình ... được bảo đảm thực hiện bằng tài sản chung của các thành viên”.

Do đó, người đứng tên giao dịch là ông Trương Hoàng L1 đã chết ngày 10 tháng 5 năm 2020, nên nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên là phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đòi các bị đơn Lê Thị H1 và Trương Thanh S trả số tiền là 41.847.964 đồng, bao gồm 30.000.000 đồng nợ gốc và 11.847.964 đồng nợ lãi là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, xét bị đơn Lê Thị H1 thuộc diện người cao tuổi nên được xem xét miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị đơn Trương Thanh S phải chịu án phí tương ứng với một phần hai số tiền án phí mà các bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144 và 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 101, 102, 103, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn là bà Lê Thị H1 và ông Trương Thanh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C (do ông Lý Ngọc H đại diện) số tiền là 41.847.964 đồng (bốn mươi một triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi là 11.847.964 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị H1 do thuộc diện người cao tuổi; ông Trương Thanh S phải chịu 1.046.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng